

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/DS-PT

Ngày 12-4-2024

V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế
và yêu cầu di dời tài sản trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Đức Chính

Các Thẩm phán: Ông Vi Đức Trí

Ông Lộc Sơn Thái

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc Tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 33/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Đường Thanh H, sinh năm 1964; cư trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân H; cư trú tại: Thôn 1, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội (văn bản ủy quyền ngày 17/3/2023); có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Đường Trọng H, sinh năm 1959; cư trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đường Tuấn Đ (văn bản ủy quyền ngày 10/3/2023; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bế Văn S - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Lạng Sơn (văn bản số 3386/UBND-PTNMT ngày 21/9/2023); vắng mặt.

2. Bà Lộc Thị K, sinh năm 1962; vắng mặt.

3. Anh Đường Tuấn Đ, sinh năm 1997; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

4. Ông Mỗ Minh T; vắng mặt.

5. Bà Hà Thị N; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mỗ Minh T, bà Hà Thị N: Ông Nguyễn Văn B (văn bản ủy quyền ngày 12/6/2023); vắng mặt.

6. Ông Phan Minh H, sinh năm 1960; vắng mặt.

7. Bà Phan Thị H, sinh năm 1961; vắng mặt.

8. Anh Phan Minh C, sinh năm 1985; vắng mặt.

9. Anh Phan Minh H1, sinh năm 1987; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người kháng cáo:* Ông Đường Thanh H là nguyên đơn và ông Đường Trọng H là bị đơn trong vụ án.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cụ ông Đường Quốc C (chết năm 1972) và cụ bà Hoàng Thị V (chết năm 2009) có hai người con là ông Đường Trọng H và ông Đường Thanh H.

Về nguồn gốc diện tích đất ông Đường Thanh H yêu cầu chia thừa kế, trước năm 1960 là đất của ông Mỗ Văn C (bố đẻ của bà Mỗ Thị T) mua với ông Nông Ích Đ (có giấy mua bán ngày 16/3/1957 do Ủy ban nhân dân hành chính thị trấn T chứng thực); năm 1960 ông Mỗ Văn C đóng góp vào Hợp tác xã Đ, được ghi tại sổ Giải thửa ruộng đất xã Đ lập năm 1960, theo tờ bản đồ giải thửa thị trấn T số 01 đo vẽ năm 1986, có 3 thửa đất liền kề nhau, gồm các thửa 36/100m², thửa 37/124m², thửa 38/146m². Do quá trình quản lý, sử dụng qua các thời kỳ nên 3 thửa đất nêu trên đã biến động nhiều không còn hình dạng bờ thửa như bản đồ.

Quá trình sử dụng đất: Từ năm 1960 đến năm 1987 khu đất do đội sản xuất Thôn N thuộc Hợp tác xã Đ quản lý và sử dụng; năm 1985 bà Hoàng Thị V có đơn xin đất làm nhà ở và được UBND xã Đ, UBND huyện chấp nhận xác

nhận và bố trí một phần diện tích khoảng 50m² tại khu đất tranh chấp, địa danh B, Thôn N, xã Đ để làm nhà ở, nhưng không làm nhà xuống ruộng mạ, đến năm 1987 gia đình bà V san ủi toàn bộ khu đất nêu trên để làm nhà ở tạm khoảng 50m², phần diện tích còn lại gia đình bà vẫn trồng rau và hoa màu cho đến năm 1990 có dự án làm đường T - Q đã thu hồi là 105m² đất để làm đường và bà Mỗ Thị T là người được bồi thường 10.500.000 đồng. Khi bà T nhận tiền bồi thường gia đình bà Hoàng Thị V có đơn khiếu nại, thì đã được Thanh tra tỉnh Lạng Sơn thụ lý xem xét và Thông báo Kết luận số 59/TB-TTr ngày 09/3/2004.

Thực hiện Thông báo kết luận số 59/TB-TTr ngày 09/3/2004 của Thanh tra tỉnh Lạng Sơn: UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 358/QĐĐ-UB ngày 30/3/2004 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Hoàng Thị V với bà Mỗ Thị T, nội dung quyết định là thu hồi 26m² đất và giải quyết cho bà Hoàng Thị V 65m² đất, phần còn lại 200m² đất giao cho Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý và sử dụng vào mục đích công cộng. Bà Mỗ Thị T không nhất trí, có đơn khởi kiện Quyết Định hành chính số 358/QĐ-UB ngày 30/3/2004 của UBND huyện T. Tại Bản án số 01/HC-ST ngày 20/12/2004 Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 358/QĐ-UB ngày 30/3/2004 của UBND huyện T. Tại Bản án số 05/2005/HC-PT ngày 05/12/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, tuyên xử hủy điểm b, c điều 1 Quyết định số 358/QĐUB ngày 30/3/2004 của UBND huyện T; kiến nghị với UBND huyện T xem xét giải quyết lại 265m² đất tranh chấp theo luật định.

Tại quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 13/6/2015 về việc giải quyết tranh chấp đất đai: Công nhận bà Mỗ Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 298,7m² và ông Đường Trọng H được quyền quản lý và sử dụng 56,1m² tại khu đất B, Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Ông Đường Trọng H có đơn khiếu nại lên UBND tỉnh Lạng Sơn. Trên Cơ sở báo cáo 121/BC-TTr ngày 02/10/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn có kết luận số 228/TB-UBND ngày 11/10/2019 tại mục 3. Kết luận: Khu đất tranh chấp giữa ông Mỗ Minh T (con bà Mỗ Thị T, bà T đã chết) với ông Đường Trọng H là đất công do nhà nước quản lý. Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Lạng Sơn thụ lý giải quyết tranh chấp đất đai là không đúng quy định, yêu cầu Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Lạng Sơn thu hồi lại Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 13/6/2015. Ngày 15/11/2019 Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn ban hành quyết định số 3051/QĐ-UBND thu hồi hủy bỏ Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 13/6/2015 mà trước đó đã ban hành.

Ngày 02/12/2020 Ông Mỗ Minh T có đơn gửi Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn xin được giao một phần diện tích đất tranh chấp là 298,3m² thửa đất số 686; tờ bản đồ số 51 với hình thức giao đất có thu tiền; căn cứ tờ trình số 521/TTr-PTNMT ngày 18/12/2020 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định số 2756/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 giao cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N diện tích đất nêu trên. Ngày 28/01/2021 Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Mỗ Minh T

và bà Hà Thị N. Phần diện tích đất còn lại là 58,3m² thì ông Đường Trọng H vẫn đang quản lý sử dụng.

Nguyên đơn trình bày:

Về nguồn gốc diện tích đất:

Mảnh đất thứ nhất: Năm 1980 mẹ đẻ của ông Đường Thanh H là bà Hoàng Thị V được Ủy ban nhân dân huyện T giao cho sử dụng căn nhà theo văn bản số 51/UB/XD ngày 16/9/1980 tại địa chỉ khu 2 thị trấn T, huyện T nay địa chỉ số 35, đường 10/10, Khu 2 thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Căn nhà ở trên diện tích khoảng 200m². Do điều kiện công tác, mẹ ông Đường Thanh H đã giao căn nhà trên cho người quen ở nhờ, sau này ông Đường Trọng H (là anh trai) nhận lại và quản lý sử dụng. Thời điểm nhận lại không nhớ rõ năm nào.

Mảnh đất thứ hai: Vào năm 1985 mẹ đẻ của ông là bà Hoàng Thị V có đơn xin Hợp tác xã Đ và Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn mảnh đất diện tích là 360m² tại Thôn N, xã Đ để làm nhà ở, sau đó ông Đường Thanh H lấy vợ và ra ở riêng. Diện tích đất này ông Đường Trọng H (là anh trai ruột) vẫn quản lý. Nay bố, mẹ của ông đã chết ông Đường Thanh H khởi kiện yêu cầu được chia ½ diện tích đất, theo đo đạc ngày 01/4/2022 có tổng diện tích 356,6m², trong đó có 58,3m² hiện hộ ông Đường Trọng H đang quản lý sử dụng, trên đất có căn nhà cấp 4, còn diện tích 298,3m² đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N (thửa đất số 686, diện tích 298,3m², tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ). Ông Đường Thanh H yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Bị đơn trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là hai anh em ruột, thừa đất mà ông Đường Thanh H yêu cầu chia thừa kế có diện tích là 358,6m² tại Thôn N, xã Đ. Về nguồn gốc đây là diện tích đất mà mẹ của ông là bà Hoàng Thị V được hợp tác xã Đ giao cho bà Hoàng Thị V để làm nhà. Đối với yêu cầu của ông Đường Thanh H, ông Đường Trọng H nhất chí chia diện tích nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ông Phan Minh H trình bày:

Năm 1984 ông Phan Minh H mua mảnh đất số 182, khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, đổi thành số nhà 35, đường 10/10, khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn với ông Voòng Chăn M với số tiền 40.000 đồng. Đến ngày 21/5/1985 có văn bản số 148 UB/QLN của UBND huyện T, tỉnh Lạng Sơn về việc chuyển dịch quyền sở hữu nhà ở ngôi nhà 182, Khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, bên giao nhà ông Voòng Chăn M, bên nhận nhà ông Quán Minh H (đến năm 2017 sửa đổi họ thành Phan Minh H). Đến ngày 21/02/2001 ông Phan Minh H được cấp phép xây dựng công trình nhà Cấp 3 hai tầng trên nền cũ. Mảnh đất trên ông Phan Minh H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/9/2004 tại số thửa 16 tờ bản đồ số 15 tổng diện tích 256,40m², trong đó tích đất ở 166,4m², diện tích đất vườn 90,0m². (mang tên hộ ông Quán Minh H). Nay ông Đường Thanh H đòi ông Phan Minh H trả lại mảnh đất tại Số

nhà 35 là không có căn cứ, vì mảnh đất trên ông Phan Minh H mua hợp pháp và quản lý sử dụng từ năm 1984 cho đến 29/9/2004 thì được Chủ tịch UBND huyện T công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Minh H.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ: Xác định được diện tích 298,3m² hiện đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N, đã được gia đình xây dựng căn nhà kho, lợp mái tôn trên toàn bộ 298,3m². Đây chính là phần diện tích đất ông Đường Thanh H khởi kiện chia thừa kế. Phần đất còn lại 58,3m² do ông Đường Trọng H đang quản lý và sử dụng, trên đất có căn nhà cấp 4 được xây dựng từ lâu, ông Đường Trọng H cùng gia đình đang sinh sống tại đó (ông Đường Thanh H yêu cầu chia thừa kế cả phần đất này 58,3m²). Tổng cộng diện tích ông Đường Thanh H yêu cầu chia di sản thừa kế là 356,6m².

Vụ án nêu trên đã được xét xử sơ thẩm tại Bản án số 02/2022/DS-ST ngày 07/7/2022, Bản án bị kháng cáo, kháng nghị. Tại Bản án xét xử phúc thẩm số 56/2022/DS-PT ngày 13-12-2022 hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 07/7/2022 với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận đối với yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng 298,3m² đất mà hiện nay Ủy ban nhân dân huyện đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N; yêu cầu ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N tháo dỡ, di dời căn nhà kho đã xây trên diện tích đất nói trên là chưa giải quyết hết yêu cầu khởi kiện; là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Tòa cấp sơ thẩm xác định phần diện tích 298,3m² mà hiện nay Ủy ban nhân dân huyện đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N không phải là di sản thừa kế cụ Đường Quốc C (chết năm 1972) và cụ Hoàng Thị V (chết năm 2008) để lại. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại xem xét, quyết định trong Bản án sơ thẩm về tính hợp pháp trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Sêri CI638841, số vào sổ cấp giấy CH 07638, cấp ngày 08/01/2021 cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N cũng như việc tồn tại tài sản trên diện tích đất nêu trên là vượt quá phạm vi giải quyết vụ án. Bởi vì: Phạm vi giải quyết vụ án là chia di sản thừa kế, những nội dung không phải chia di sản thừa kế thì không được xem xét giải quyết.

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án:

Tại buổi xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, các đương sự đều thống nhất giá trị đất 20.000.000đồng/m² theo biên bản ngày 01/4/2022. Sau khi xem xét các vị trí thừa thất và công trình trên đất không có biến động, nguyên đơn, bị đơn thống nhất không cần định giá lại, giữ nguyên theo biên bản định giá tài sản ngày 01/4/2022 và biên bản thẩm định, định giá ngày 20/9/2023 (không yêu cầu kẻ vẽ sơ đồ lại, giữ nguyên sơ đồ trích đo khu đất đang tranh chấp số TĐ 28/2022 ngày 20/4/2022 do đơn vị đo đạc Công ty Cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn thực hiện). Giá trị tài sản tranh chấp chia thừa kế theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá: Giá trị đất 20.000.000 đồng/m² x 356,6m² =

7.132.000.000đ. Tài sản trên đất tại thửa đất có diện tích $58,3\text{m}^2 = 320.000.000\text{đ}$; Tài sản trên đất tại thửa đất có diện tích $298,3\text{m}^2 = 630.000\text{đ}$.

Nguyên đơn có đơn khởi kiện chia thừa kế sửa đổi bổ sung, rút toàn bộ yêu cầu chia di sản thừa kế đối với 200m^2 đất thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 15 bản đồ địa chính thị trấn T đo vẽ năm 1999, tại địa chỉ số 35, đường 10/10, khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn do ông Phan Minh H đang quản lý sử dụng. Nguyên đơn yêu cầu chia diện tích đất $356,6\text{m}^2$ và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N; yêu cầu ông Mỗ Minh T, bà Hà Thị N và ông Đường Trọng H tháo dỡ, di dời căn nhà, nhà kho đã xây dựng ra khỏi diện tích tranh chấp, ông Đường Thanh H và ông Đường Trọng H mỗi người được quyền quản lý và sử dụng $178,3\text{m}^2$ đất tại thửa đất số 686, diện tích $298,3\text{m}^2$, và một phần thửa đất số 375, diện tích $58,3\text{m}^2$ tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ, địa chỉ Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; Yêu cầu hủy Quyết định 2746/QĐ-UBND ngày 24/12/2020, của Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Đường Tuấn Đ không chấp nhận chia di sản thừa với số diện tích $58,3\text{m}^2$ mà ông Đường Thanh H yêu cầu trên. Anh Đường Tuấn Đ cho rằng phần diện tích trên là của ông bà để lại cho bố anh Đường Tuấn Đ là ông Đường Trọng H; đồng ý với yêu cầu bên nguyên đưa ra Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Mỗ Minh T, Hà Thị N với số diện tích $298,3\text{m}^2$ tại thửa đất số 686 và và hủy Quyết định 2746/QĐ-UBND ngày 24/12/2020, của Ủy ban nhân dân huyện T; Yêu cầu Tòa án thụ lý yêu cầu độc lập của bị đơn đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N đối với diện tích $298,3\text{m}^2$ tại thửa đất số 686, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích $298,3\text{m}^2$ tại thửa đất số 686 và di dời toàn bộ tài sản trên đất trả lại diện tích đất cho ông Đường Trọng H; Yêu cầu hủy Công văn số 1234/UBND-PTNMT ngày 13/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện T vì văn bản này xác định thửa đất nhà ông Đường Trọng H đang quản lý sử dụng và thửa đất 686 là đất công. Việc xác định thửa đất tranh chấp trên là đất công là thiếu căn pháp lý, xâm phạm trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bị đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N là ông Nguyễn Văn B không chấp nhận yêu cầu của ông Đường Thanh H và Đường Trọng H vì diện tích đất này có nguồn gốc là của gia đình nhà ông Mỗ Minh T qua nhiều cấp chính quyền giải quyết nay đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N.

Người đại diện theo ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện T là ông Bé Văn S, Phó trưởng phòng Tài nguyên Môi trường trình bày:

Vụ việc tranh chấp đất đai giữa bà Mỗ Thị T (đã chết), trú tại khu 3, thị trấn T, huyện T với ông Đường Trọng H, trú tại Thôn N, xã Đ, huyện T đã được các cơ quan giải quyết nhiều lần. Cụ thể gần đây UBND huyện đã ban hành quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 13/6/2015 với nội dung giải quyết là công

nhận bà Mỗ Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 298,7m² và công nhận ông Đường Trọng H được quyền quản lý, sử dụng diện tích là 56,1 m² (trong đó 28,2 m² là đất ở nông thôn và 27,9 m² là đất trồng cây hàng năm khác) tại Thôn N, xã Đ, huyện T, từ đó gia đình ông Đường Trọng H xây dựng nhà ở trên diện tích nêu trên, còn phần diện tích giải quyết cho gia đình bà Mỗ Thị T nêu trên cũng xây móng bằng đá rồi xây thành nhà kho đến năm 2019 UBND xã Đ mới xử phạt vi phạm hành chính (do xây dựng trên đất nông nghiệp chưa được chuyển mục đích sử dụng đất). Tuy nhiên, đến năm 2019 ông Đường Trọng H mới có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh và đã được Chủ tịch UBND tỉnh kết luận tại Thông báo số 228/TB-UBND ngày 11/10/2019 khẳng định là “*khu đất tranh chấp là đất công do Nhà nước quản lý, Chủ tịch UBND huyện T thụ lý giải quyết tranh chấp đất đai là không đúng quy định, yêu cầu Chủ tịch UBND huyện tự thu hồi lại Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 13/6/2015...*”. Ngày 15/11/2019 Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 3051/QĐ-UBND để thu hồi quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 13/6/2015.

Sau khi có quyết định thu hồi do bà Mỗ Thị T đã chết nên người thừa kế là hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N, trú tại số nhà 87, phố C, khu 3, thị trấn T đã làm các thủ tục xin giao đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất với nhà nước, đã được UBND huyện giao đất tại quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 24/12/2020, gia đình đã nộp tiền đầy đủ vào ngân sách nhà nước nên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích nêu trên theo quy định.

Đối với phần diện tích 58,3m² hiện nay gia đình ông Đường Trọng H đã xây nhà, chưa được cơ quan có thẩm quyền giao đất là do ông không đến cơ quan nhà nước lập các thủ tục đăng ký đất đai, xin giao đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định do vậy thửa đất gia đình ông Đường Trọng H đang sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ khi hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N được UBND huyện giao đất cho đến nay UBND huyện chưa nhận được khiếu nại hay khiếu kiện gì liên quan đến việc giao đất tại quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N đối với khu đất nêu trên. Trong thời gian lập các thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N nêu trên cho đến nay UBND huyện không nhận được đơn thư khiếu nại, kiến nghị của ông Đường Trọng H, ông Đường Thanh H hay bất kỳ ai liên quan đến quan đến việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Quan điểm của UBND huyện khẳng định là việc giao đất cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N, trú tại số nhà 87, phố C, khu 3, thị trấn T đối với thửa đất số 686, diện tích 298,3 m², tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ tại quyết định 2746/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 là đúng quy định của pháp luật. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Sêri CI 638841, số vào sổ cấp giấy CH 07638, cấp ngày 08/01/2021 theo hình thức “*nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất*” cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N đối với thửa đất số 686, diện tích 298,3 m², tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ nêu trên là đúng quy định của

pháp luật. Do vậy UBND huyện không chấp nhận việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 01/12/2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số 03/2023/QĐ-SCBSBA ngày 21/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết toàn bộ yêu cầu của ông Đường Thanh H yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 200m² đất tại địa chỉ số 35, đường 10/10, khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, ông Đường Thanh H có quyền khởi kiện trong vụ án khác nếu có yêu cầu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đường Thanh H, ông Đường Thanh H xác định đối với một phần thửa đất số 375, diện tích 58,3m² tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ, địa chỉ Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn là di sản thừa kế của bà Hoàng Thị V.

3. Chia như sau: Ông Đường Thanh H được chia di sản thừa kế 29,15m²; ông Đường Trọng H được chia di sản thừa kế 29,15m² nằm trong một phần thửa đất số 375, diện tích 58,3m² tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ, địa chỉ Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

4. Giao toàn bộ diện tích 58,3m², trên đất có căn nhà cấp 4 của hộ ông Đường Trọng H nằm trong một phần thửa đất số 375 tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ, địa chỉ Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn cho ông Đường Trọng H quản lý và sử dụng, có các điểm, vị trí tiếp giáp: Phía Đông giáp với vỉa hè Quốc lộ 3B (N) độ dài cạnh: B-C= 5,04m; phía Tây giáp với đường ngõ, độ dài các cạnh E-F = 6,45m, D-E = 1,01m; phía nam giáp với đường ngõ bê tông, độ dài cạnh C-D = 9,94m; phía Bắc với nhà kho của ông Mỗ Minh T (thửa đất số 686), độ dài cạnh F-B = 14,95m (thể hiện trên mảnh trích đo khu đất đang tranh chấp số TĐ 28/2022 ngày 20/4/2022 do đơn vị đo đạc Công ty Cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn thực hiện kèm theo). Ông Đường Trọng H có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan chuyên môn làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai. Ông Đường Trọng H bù giá trị phần di sản được chia thừa kế cho ông Đường Thanh H 583.000.000 (năm trăm tám mươi ba triệu) đồng. Buộc hộ ông Đường Thanh H phải chấm dứt hành vi tranh chấp với hộ ông Đường Trọng H, diện tích 29,15m² nêu trên.

5. Không xem xét yêu cầu bổ sung của ông Đường Thanh H về việc hủy Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Sêri CI 638841, số vào sổ cấp giấy CH 07638, cấp ngày 08/01/2021 đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N trú tại số nhà 87, phố C, khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, đối với thửa đất số 686, tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 298,3m² đất tại Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N di dời căn nhà nhà kho trên diện tích

đất 298,3m², đây là quan hệ pháp luật Tranh chấp quyền sử dụng đất không liên quan đến chia di sản thừa kế.

6. Không xem xét yêu cầu độc lập của ông Đường Trọng H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Sêri CI 638841, số vào sổ cấp giấy CH 07638, cấp ngày 08/01/2021 đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N trú tại số nhà 87, phố C, khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, đối với thửa đất số 686, tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 298,3m² đất tại Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N di dời căn nhà kho trên diện tích đất 298,3m²; không xem xét giải quyết yêu cầu của ông Đường Trọng H về việc hủy công văn số 1234 của UBND huyện T ngày 13/10/2020 và Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn đây là quan hệ pháp luật Tranh chấp quyền sử dụng đất không liên quan đến chia di sản thừa kế.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền khởi kiện lại và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, các đương sự có kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn có kháng nghị, cụ thể:

Nguyên đơn ông Đường Thanh H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện theo Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 06/9/2023 của nguyên đơn; đề nghị xem xét lại phần án phí đối với nguyên đơn

Bị đơn ông Đường Trọng H kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trần Xuân H thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vì có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đó là Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đưa UBND xã Đ, huyện T, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T và Chủ tịch UBND huyện T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện; giải quyết không đúng thẩm quyền.

Ngày 28/3/2024 bị đơn Đường Trọng H có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; có đương sự vắng mặt nhưng đã có ủy quyền, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Về việc giải quyết kháng cáo:

Xét thấy ngày 28/3/2024, bị đơn ông Đường Trọng H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng, việc rút kháng cáo của bị đơn ông Đường Trọng H là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn ông Đường Trọng H.

Đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Đường Thanh H yêu cầu hủy Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Sêri CI 638841, số vào sổ cấp giấy CH 07638, cấp ngày 08/01/2021 đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N đối với thửa đất số 686, tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ, huyện T. Xét thấy nội dung này Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý, không giải quyết nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Đối với kháng cáo của ông Đường Thanh H yêu cầu chia thừa kế diện tích 298,3m² thửa đất số 686, tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ, huyện T, buộc ông Mỗ Minh T, bà Hà Thị N phải tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất. Xét thấy phần diện tích này hiện do ông Mỗ Minh T, bà Hà Thị N đang quản lý sử dụng, trên đất có căn nhà kho của ông Mỗ Minh T, bà Hà Thị N xây dựng. Phần diện tích này đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Sêri CI 638841, ngày 08/01/2021 cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N. Ngoài lời trình bày ông Đường Thanh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh phần diện tích này là di sản thừa kế do cụ Hoàng Thị V để lại cho ông Đường Thanh H, ông Đường Trọng H. Do đó kháng cáo của ông Đường Thanh H yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần diện tích này, buộc ông Mỗ Minh T, bà Hà Thị N phải tháo dỡ, di dời công trình trên đất là không có căn cứ, cơ sở chấp nhận.

Đối với diện tích 58,3m² thuộc một phần thửa đất số 375 tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ, địa chỉ Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có căn cứ xác định đây là di sản của cụ Hoàng Thị V để lại, bị đơn ông Đường Trọng H đã có quá trình quản lý sử dụng, tạo lập tài sản nhà cấp 4 trên đất, diện tích đất nhỏ theo quy định của pháp luật đất đai không đủ điều kiện để tách thửa chia bằng hiện vật. Tòa án cấp sơ thẩm xử cho bị đơn ông Đường Trọng H được quản lý sử dụng đất, sở hữu tài sản là căn nhà cấp 4, ông Đường Trọng H bù giá trị di sản được chia thừa kế 29,15m² cho ông Đường Thanh H trị giá là 583.000.000 đồng là có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo tiếp tục yêu cầu chia phần diện tích

này và buộc bị đơn ông Đường Trọng H phải tháo dỡ, di dời tài sản là không có căn cứ, cơ sở chấp nhận.

3. Về quan điểm của Viện kiểm sát đối với Kháng nghị số 108/QĐ-VKS-DS ngày 29/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

1. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng bản án sơ thẩm lại áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết đối với việc rút yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa là không có căn cứ. Đồng thời, không làm rõ diện tích phần đất đã đình chỉ này thuộc thửa đất nào, tờ bản đồ bao nhiêu là không phù hợp, không có căn cứ.

2. Tại mục 5, mục 6 phần Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu bổ sung của ông Đường Thanh H, yêu cầu độc lập của ông Đường Trọng H khi không thụ lý những yêu cầu này là giải quyết vượt quá yêu cầu đương sự; đồng thời việc giải quyết đối với các quyết định cá biệt của UBND huyện là vi phạm thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Bị đơn Đường Trọng H là người trực tiếp quản lý, sử dụng, trông coi, giữ gìn di sản, bản án sơ thẩm không xem xét đến công sức của người quản lý di sản là không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của ông Đường Trọng H.

4. Bản án sơ thẩm xác định diện tích 58,3m² thuộc một phần thửa đất số 375, tờ bản đồ địa chính số 51, xã Đ, huyện T hiện nay trên đất có nhà cấp 4 của hộ ông Đường Trọng H đang ở, giao toàn bộ diện tích 58,3m² cho hộ ông Đường Trọng H quản lý sử dụng. Tuy nhiên phần quyết định của Bản án sơ thẩm lại tuyên giao toàn bộ diện tích 58,3m² cho ông Đường Trọng H quản lý, sử dụng; ông Đường Trọng H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chuyên môn làm thủ tục cấp GCNQSDĐ là mâu thuẫn giữa phần nhận định và phần Quyết định. Đồng thời, bản án sơ thẩm tuyên giao toàn bộ diện tích 58,3m² cho ông Đường Trọng H quản lý sử dụng là không đúng thẩm quyền giao đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Bị đơn ông Đường Trọng H sinh năm 1959 hiện nay đã 64 tuổi là người cao tuổi thuộc diện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Quá trình giải quyết vụ án ông Đường Trọng H đã có đơn xin miễn án phí nhưng cấp sơ thẩm vẫn buộc ông Đường Trọng H phải chịu 27.320.000 đồng án phí sơ thẩm có giá ngạch mà không miễn án phí cho ông Đường Trọng H là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đường Trọng H.

Từ những phân tích nêu trên, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Đối với vi phạm giải quyết vượt quá yêu cầu đương sự; vi phạm thẩm quyền giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm sửa chữa bổ sung bản án là không đúng quy định. Tuy nhiên nội dung này Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết. Xét thấy chỉ cần hủy một phần bản án sơ thẩm đối với phần Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên vượt quá yêu cầu của đương sự, vi phạm thẩm quyền giải quyết. Đối với các vi phạm

khắc kháng nghị chỉ ra qua phân hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa có thể khắc phục sửa bản án sơ thẩm. Không cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289; khoản 2, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự xử đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bị đơn ông Đường Trọng H; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đường Thanh H; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn hủy một phần, sửa một phần bản án sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 01/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng vắng mặt nói trên đã cung cấp lời khai, văn bản nêu ý kiến; đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc có ủy quyền, người nhận ủy quyền có mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Tại cấp phúc thẩm, bị đơn ông Đường Trọng H có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo, việc rút kháng cáo của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Đường Trọng H.

[3] Tại đơn khởi kiện ông Đường Thanh H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với 200m² đất thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 15 bản đồ địa chính thị trấn T đo vẽ năm 1999, tại địa chỉ số 35, đường 10/10, khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với 200m² đất này. Việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện là tự nguyện, cấp sơ thẩm đã đình chỉ nội dung khởi kiện nêu trên là phù hợp. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm cả nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết đối với việc rút yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa là không đúng. Mặt khác, cấp sơ thẩm tuyên đình chỉ 200m² đất nhưng không tuyên cụ thể số thửa đất, số tờ bản đồ đối với diện tích này là có thiếu sót.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đường Thanh H yêu cầu hủy Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Sêri CI 638841, số vào sổ cấp giấy CH 07638, cấp ngày 08/01/2021 đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N trú tại số nhà 87, phố C, khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, đối với thửa đất số 686, tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 298,3m² đất tại Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N di dời căn nhà nhà kho

trên diện tích đất 298,3m². Bị đơn ông Đường Trọng H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Sêri CI 638841, số vào sổ cấp giấy CH 07638, cấp ngày 08/01/2021 đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N trú tại số nhà 87, phố C, khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, đối với thửa đất số 686, tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 298,3m² đất tại Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N di dời căn nhà kho trên diện tích đất 298,3m²; hủy công văn số 1234 của UBND huyện T ngày 13/10/2020 và Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét về nguồn gốc diện tích đất ông Đường Thanh H yêu cầu chia thừa kế, trước năm 1960 là đất của ông Mỗ Văn C (bố đẻ của bà Mỗ Thị T) mua với ông Nông Ích Đ (có giấy mua bán ngày 16/3/1957 do Ủy ban nhân dân hành chính thị trấn T chứng thực); năm 1960 ông Mỗ Văn C đóng góp vào Hợp tác xã N. Năm 1985 bà Hoàng Thị V (mẹ đẻ của ông Đường Thanh H, Đường Trọng H) có đơn xin đất làm nhà ở và được UBND xã Đ, UBND huyện chấp nhận xác nhận và bố trí một phần diện tích khoảng 50m², đến năm 1987 gia đình bà V (mẹ của ông Đường Trọng H) san ủi toàn bộ khu đất nêu trên để làm nhà ở tạm khoảng 50m², phần diện tích còn lại gia đình bà vẫn trồng rau và hoa màu cho đến năm 1990 khi hợp tác xã tan rã xảy ra tranh chấp giữa bà Mỗ Thị T (mẹ đẻ Mỗ Minh T) và bà Hoàng Thị V (mẹ đẻ ông Đường Trọng H), sau khi bà T và bà V chết thì ông Mỗ Minh T và ông Đường Trọng H tiếp tục tranh chấp.

[6] Qua nhiều lần giải quyết Ủy ban nhân dân huyện đã có Quyết định 2746/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Sêri CI 638841, số vào sổ cấp giấy CH 07638, cấp ngày 08/01/2021 theo hình thức “nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất” cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N. Từ khi hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N được UBND huyện giao đất cho đến nay UBND huyện chưa nhận được khiếu nại hay khiếu kiện gì liên quan đến việc giao đất tại Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N đối với khu đất nêu trên. Trong thời gian lập các thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N UBND huyện cũng không nhận được đơn thư khiếu nại, kiến nghị của ông Đường Trọng H, ông Đường Thanh H hay bất kỳ ai liên quan đến quan đến việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[7] Do đó xác định đây không phải là di sản thừa kế của cụ ông Đường Quốc C và cụ bà Hoàng Thị V để lại, nên yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn Đường Thanh H và yêu cầu của bị đơn Đường Trọng H đối với 298,3m² thửa đất số 686, tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ tại Thôn N, xã Đ, huyện T và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Sêri CI 638841, số vào sổ cấp giấy CH 07638, cấp ngày 08/01/2021 cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N, yêu cầu ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N tháo dỡ, di dời căn nhà kho đã xây dựng ra khỏi diện tích tranh chấp là không có căn cứ để xem xét giải quyết, vì phạm vi

giải quyết vụ án là chia di sản thừa kế, những nội dung không phải chia di sản thừa kế thì không được xem xét giải quyết. Tòa án sơ thẩm không thụ lý giải quyết yêu cầu bổ sung của nguyên đơn, yêu cầu độc lập bị đơn là đúng quy định. Do đó kháng cáo của nguyên đơn về đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 06/9/2023 của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[8] Tại khoản 1 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “1. *Khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết*”. Như vậy, xem xét hủy quyết định cá biệt không phải là yêu cầu của đương sự. Mặt khác, dù đương sự không yêu cầu thì trách nhiệm của Tòa án khi giải quyết vụ việc dân sự vẫn phải xem xét về quyết định cá biệt. Tuy nhiên, tại Bản án sơ thẩm đã nhận định là không xem xét giải quyết đối với các nội dung nêu trên là đúng quy định pháp luật, nhưng trong phần quyết định của Bản án sơ thẩm lại tuyên là “không xem xét” là không đúng quy định, vượt quá phạm vi giải quyết vụ án vì đây là quan hệ pháp luật “tranh chấp quyền sử dụng đất” không liên quan đến “chia di sản thừa kế” trong vụ án này. Vì vậy cần hủy và đình chỉ các nội dung mà cấp sơ thẩm đã tuyên không xem xét tại phần quyết định của bản án sơ thẩm liên quan đến diện tích 298,3m² thửa đất số 686, tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ tại Thôn N, xã Đ, huyện T và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Sêri CI 638841, sổ vào sổ cấp giấy CH 07638, cấp ngày 08/01/2021 cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N, yêu cầu ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N tháo dỡ, di dời căn nhà kho đã xây dựng ra khỏi diện tích tranh chấp. Việc hủy các nội dung này không làm ảnh hưởng hoặc thay đổi bản chất sự việc và nội dung vụ án. Trường hợp có tranh chấp về quyền sử dụng đất hoặc không đồng ý với quyết định hành chính, hành vi hành chính thì các đương sự có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự hoặc khởi kiện vụ án hành chính theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Do phạm vi vụ án này là “chia di sản thừa kế” nên Tòa án cấp sơ thẩm không xác định UBND xã Đ, huyện T, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T và Chủ tịch UBND huyện T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án là phù hợp. Việc người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng khi đưa thiếu người có quyền lợi liên quan là không có căn cứ, vì vậy kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[9] Đối với một phần thửa đất số 375, diện tích 58,3m² tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ, địa chỉ Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, xác định đây là di sản của cụ Hoàng Thị V để lại, vì Năm 1985 bà Hoàng Thị V có đơn xin đất làm nhà ở và được UBND xã Đ, UBND huyện chấp nhận xác nhận và bố trí một phần diện tích khoảng 50m², nay đo đạc diện tích cụ thể là 58,3m² hiện ông Đường Trọng H đang quản lý sử dụng, trên đất có căn nhà cấp 4 của hộ ông Đường Trọng H. Tại bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận diện tích

58,3m² là di sản của cụ Hoàng Thị V để lại, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 58,3m² là không có căn cứ, chính anh Đường Tuấn Đ tại cấp sơ thẩm cũng thừa nhận diện tích 58,3m² là bố mẹ bị đơn để lại cho bị đơn. Xác định hàng thừa kế của cụ Hoàng Thị Vàn gồm có 02 người là ông Đường Thanh H và ông Đường Trọng H, cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế đối với diện tích đất trên và cho ông Đường Thanh H, ông Đường Trọng H, bị đơn có quyền quản lý, sử dụng diện tích đất trên là phù hợp và có căn cứ bởi trên đất đã có nhà cấp 4 của bị đơn xây dựng trên đó từ lâu và cả gia đình bị đơn hiện cũng đang sinh sống tại đây.

[10] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao toàn bộ diện tích trên cho bị đơn quản lý sử dụng và buộc bị đơn phải thanh toán ½ giá trị tài sản cho nguyên đơn, không xem xét đến công sức trông coi, giữ gìn, quản lý di sản là chưa đảm bảo quyền và lợi ích của bị đơn. Do bị đơn có quá trình, trông coi, chăm sóc, gìn giữ, quản lý di sản thừa kế nên cần chia cho bị đơn phần di sản thừa kế nhiều hơn nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao toàn bộ diện tích 58,3m² cho hộ gia đình bị đơn quản lý, sử dụng, bị đơn có trách nhiệm thanh toán giá trị phần tài sản nguyên đơn được chia, được hưởng tương ứng với 40% giá trị tài sản là phù hợp. Xác định số tiền bị đơn cần thanh toán cho nguyên đơn là 466.400.000đồng (bốn trăm bốn sáu triệu bốn trăm đồng).

[11] Ngoài ra, việc cấp sơ thẩm tuyên giao đất cho bị đơn là không đúng thẩm quyền về giao đất theo quy định của pháp luật đất đai; nhà cấp 4 hộ gia đình bị đơn hiện đang sinh sống, tại phần nhận định Bản án đã xác định cần giao diện tích đất 58,3m² cho hộ gia đình bị đơn quản lý, sử dụng nhưng tại phần quyết định chỉ tuyên cho cá nhân bị đơn quản lý, sử dụng là chưa đầy đủ.

[12] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được chia theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên bị đơn đã có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi, cấp sơ thẩm vẫn buộc bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là không đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[13] Từ những nhận định trên nhận thấy, không cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, cần hủy và đình chỉ một phần bản án sơ thẩm liên quan đến diện tích đất 298,3m² thửa đất số 686, tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ tại Thôn N, xã Đ, huyện T và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Sêri CI 638841, số vào sổ cấp giấy CH 07638, cấp ngày 08/01/2021 cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N, yêu cầu ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N tháo dỡ, di dời căn nhà kho đã xây dựng ra khỏi diện tích tranh chấp. Các nội dung khác của bản án cần sửa bản án sơ thẩm theo những nhận định nêu trên.

[14] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật

Tổ tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Trả lại cho ông Đường Thanh H số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001786 ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

[15] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148; điểm b khoản 1 Điều 289; Điều 295; khoản 2, 4 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 612, Điều 618, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đường Trọng H

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đường Thanh H; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

I. Hủy và đình chỉ:

1. Yêu cầu của ông Đường Thanh H về việc hủy Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Sêri CI 638841, số vào sổ cấp giấy CH 07638, cấp ngày 08/01/2021 đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N trú tại số nhà 87, phố C, khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, đối với thửa đất số 686, tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 298,3m² đất tại Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N di dời căn nhà, nhà kho trên diện tích đất 298,3m².

2. Yêu cầu của ông Đường Trọng H về việc hủy công văn số 1234 của UBND huyện T ngày 13/10/2020 và Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Sêri CI 638841, số vào sổ cấp giấy CH 07638, cấp ngày 08/01/2021 đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N trú tại số nhà 87, phố C, khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, đối với thửa đất số 686, tờ

bản đồ địa chính số 51 xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 298,3m² đất tại Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu ông Mỗ Minh T và bà Hà Thị N di dời căn nhà kho trên diện tích đất 298,3m²;

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đình chỉ theo quy định của pháp luật.

II. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 01/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1. Đình chỉ giải quyết toàn bộ yêu cầu của ông Đường Thanh H yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 200m² đất thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 15, bản đồ địa chính thị trấn T đo vẽ năm 1999; địa chỉ thửa đất tại số 35, đường 10/10, khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Ông Đường Thanh H có quyền khởi kiện trong vụ án khác nếu có yêu cầu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đường Thanh H, cụ thể:

Xác định diện tích 58,3m² thuộc một phần thửa đất số 375, tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ, địa chỉ thửa đất tại Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn là di sản thừa kế của bà Hoàng Thị V.

Thửa đất có các điểm, vị trí tiếp giáp: Phía Đông giáp với vỉa hè Quốc lộ 3B (N) độ dài cạnh: B-C= 5,04m; phía Tây giáp với đường ngõ, độ dài các cạnh E-F = 6,45m, D-E = 1,01m; phía nam giáp với đường ngõ bê tông, độ dài cạnh C-D = 9,94m; phía Bắc với nhà kho của ông Mỗ Minh T (thửa đất số 686), độ dài cạnh F-B = 14,95m.

(Có mảnh trích đo khu đất đang tranh chấp số TĐ 28/2022 ngày 20/4/2022 do đơn vị đo đạc Công ty Cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn thực hiện kèm theo).

Xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của bà Hoàng Thị V là ông Đường Thanh H và ông Đường Trọng H.

2.1. Về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất

Hộ gia đình ông Đường Trọng H gồm ông Đường Trọng H, bà Lộc Thị K và anh Đường Tuấn Đ được quyền quản lý, sử dụng diện tích 58,3m² nằm trong một phần thửa đất số 375, tờ bản đồ địa chính số 51 xã Đ, địa chỉ thửa đất tại Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn cùng tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 (các điểm, vị trí tiếp giáp của thửa đất như đã nêu tại mục 2).

Ông Đường Trọng H có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan chuyên môn làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

2.2. Về trách nhiệm thanh toán giá trị phần tài sản được chia, được hưởng trong khối di sản thừa kế

Ông Đường Trọng H có trách nhiệm thanh toán giá trị phần tài sản ông Đường Thanh H được chia, được hưởng số tiền là 466.400.000 đồng (bốn trăm bốn sáu triệu bốn trăm đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Đường Thanh H và ông Đường Trọng H phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chi phí đo đạc với tổng số tiền là 13.049.000 đồng (mười ba triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn đồng), mỗi người phải chịu 6.547.000 đồng (Sáu triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng. Ông Đường Trọng H phải thanh toán cho ông Đường Thanh H số tiền 6.547.000 đồng (sáu triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) mà ông Đường Thanh H đã nộp.

4. Về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí:

5.1 Án phí sơ thẩm:

Ông Đường Thanh H phải chịu 22.656.000 đồng (hai mươi hai triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp ngân sách Nhà nước, xác nhận ông Đường Thanh H đã nộp 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006278 ngày 19/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn, ông Đường Thanh H phải nộp tiếp 15.156.000 đồng (mười lăm triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng); ông Đường Trọng H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Án phí phúc thẩm:

Ông Đường Thanh H và ông Đường Trọng H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Đường Thanh H số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001786 ngày 25/12/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Tràng Định, tỉnh LS;
- CCTHADS huyện T, tỉnh LS;
- Các đương sự;
- HCTP; P.KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phùng Đức Chính

CÁC THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lộc Sơn Thái

Vi Đức Trí

Phùng Đức Chính